

**BẢNG GIÁ ỒNG NHỰA PVC-U**  
**ÁP DỤNG TỪ NGÀY 20-06-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI**

Ồng PVC-U theo tiêu chuẩn TCVN 8491-2:2011 - Phụ lục C (Thị trường miền Bắc)						
STT	Sản Phẩm		Class (C)	PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Thanh toán
1	Ø 21	21 x 1,0mm	Thoát	8	7,100	7,668
		21 x 1,5mm	1	12,5	9,500	10,260
		21 x 1,6mm	2	16	11,300	12,204
		21 x 2,4mm	3	25	13,300	14,364
2	Ø 27	27 x 1,0mm	Thoát	6	8,800	9,504
		27 x 1,6mm	1	12,5	13,000	14,040
		27 x 2,0mm	2	16	14,400	15,552
		27 x 3,0mm	3	25	20,300	21,924
3	Ø 34	34 x 1,0mm	Thoát	6	11,300	12,204
		34 x 1,7mm	1	10	16,300	17,604
		34 x 2,0mm	2	12,5	19,900	21,492
		34 x 2,6mm	3	16	22,600	24,408
4	Ø 42	42 x 1,2mm	Thoát	5	17,000	18,360
		42 x 1,5mm	0	6	19,000	20,520
		42 x 1,7mm	1	8	22,400	24,192
		42 x 2,0mm	2	10	25,500	27,540
		42 x 2,5mm	3	12,5	30,000	32,400
5	Ø 48	48 x 1,4mm	Thoát	5	19,900	21,492
		48 x 1,6mm	0	6	23,300	25,164
		48 x 1,9mm	1	8	26,600	28,728
		48 x 2,3mm	2	10	30,700	33,156
		48 x 2,9mm	3	12,5	37,200	40,176
6	Ø 60	60 x 1,4mm	Thoát	5	25,900	27,972
		60 x 1,9mm	1	6	37,700	40,716
		60 x 2,3mm	2	8	43,900	47,412
		60 x 2,9mm	3	10	53,100	57,348



GIÁM ĐỐC

CHOWMAHITORN PETPAISIT

**Ghi chú:**

Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

**BẢNG GIÁ ỚNG NHỰA PVC-U**  
**ÁP DỤNG TỪ NGÀY 20-06-2026 ĐẾN KHI CÓ THÔNG BÁO MỚI**

*Ớng PVC-U hệ Mét theo tiêu chuẩn  
 TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009/TCCS:8491*

STT	Sản Phẩm		Class (C)	PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Thanh toán
1	Ø 75	75 x 1,5mm	Thoát	4	36,300	39,204
		75 x 1,9mm	0	5	42,300	45,684
		75 x 2,3mm	1	6	48,000	51,840
		75 x 2,9mm	2	8	62,500	67,500
		75 x 3,6mm	3	10	77,400	83,592
		75 x 4,5mm	4	12,5	97,300	105,084
2	Ø 90	90 x 1,5mm	Thoát		44,200	47,736
		90 x 1,8mm	0	4	50,500	54,540
		90 x 2,2mm	1	5	59,200	63,936
		90 x 2,7mm	2	6	68,400	73,872
		90 x 2,8mm		6	71,900	77,652
		90 x 3,5mm	3	8	89,600	96,768
		90 x 4,3mm	4	10	111,400	120,312
		90 x 5,4mm	5	12,5	138,400	149,472
3	Ø 110	110 x 1,8mm	Thoát		66,900	72,252
		110 x 2,2mm	0	5	75,600	81,648
		110 x 2,7mm	1	6	88,100	95,148
		110 x 3,2mm	2	6	100,300	108,324
		110 x 3,4mm		8	105,300	113,724
		110 x 4,2mm	3	10	140,400	151,632
		110 x 5,3mm	4	12,5	168,100	181,548
	5	16	207,500	224,100		
4	Ø 125	125 x 2,5mm	0	5	93,100	100,548
		125 x 3,1mm	1	6	108,900	117,612
		125 x 3,9mm	2	8	129,100	139,428
		125 x 4,8mm	3	10	163,700	176,796
		125 x 6,0mm	4	12,5	206,200	222,696
5	Ø 140	140 x 2,3mm	Thoát		90,900	98,172
		140 x 2,8mm	0	5	115,700	124,956
		140 x 3,5mm	1	6	136,200	147,096
		140 x 4,3mm	2	8	160,500	173,340
		140 x 5,4mm	3	10	214,700	231,876
		140 x 6,7mm	4	12,5	262,700	283,716
6	Ø 160	160 x 2,6mm	Thoát		118,000	127,440
		160 x 3,2mm	0	5	154,400	166,752
		160 x 4,0mm	1	6	180,000	194,400
		160 x 4,9mm	2	8	207,800	224,424
		160 x 6,2mm	3	10	268,700	290,196
		160 x 7,7mm	4	12,5	341,000	368,280
		160 x 9,5mm	5	16	418,600	452,088
7	Ø 180	180 x 5,5mm	2	8	262,600	283,608
		180 x 6,9mm	3	10	335,300	362,124
		180 x 8,6mm	4	12,5	429,200	463,536
		180 x 10,7mm	5	16	531,700	574,236

**Ghi chú:**

Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.

Trang 1/2



**Ổng PVC-U hệ Mét theo tiêu chuẩn  
TCVN 8491:2011/ISO 1452:2009/TCCS:8491**

STT	Sản Phẩm		Class (C)	PN (bar)	Đơn giá (đồng/mét)	
	Tên	Quy cách			Chưa thuế	Thanh toán
8	Ø 200	200 x 3,2mm	Thoát		221,300	239,004
		200 x 4,0mm	0	5	232,000	250,560
		200 x 4,9mm	1	6	280,400	302,832
		200 x 6,2mm	2	8	326,100	352,188
		200 x 7,7mm	3	10	416,100	449,388
		200 x 9,6mm	4	12.5	533,200	575,856
		200 x 11,9mm	5	16	657,100	709,668
9	Ø 225	225 x 5,5mm	1	6	341,800	369,144
		225 x 6,9mm	2	8	405,100	437,508
		225 x 8,6mm	3	10	526,100	568,188
		225 x 10,8mm	4	12.5	674,800	728,784
		225 x 13,4mm	5	16	834,100	900,828
10	Ø 250	250 x 5,0mm	0	5	372,900	402,732
		250 x 6,2mm	1	6	449,600	485,568
		250 x 7,7mm	2	8	524,600	566,568
		250 x 9,6mm	3	10	678,100	732,348
		250 x 11,9mm	4	12.5	857,200	925,776
11	Ø 280	280 x 6,9mm	1	6	534,600	577,368
		280 x 8,6mm	2	8	629,800	680,184
		280 x 10,7mm	3	10	809,100	873,828
		280 x 13,4mm	4	12.5	1,109,700	1,198,476
12	Ø 315	315 x 5,0mm		4	455,500	491,940
		315 x 7,7mm	1	6	670,900	724,572
		315 x 9,7mm	2	8	804,900	869,292
		315 x 12,1mm	3	10	1,011,200	1,092,096
		315 x 15,0mm	4	12.5	1,400,000	1,512,000
13	Ø 355	355 x 8,7mm	1	6	876,500	946,620
		355 x 10,9mm	2	8	1,042,700	1,126,716
		355 x 13,6mm	3	10	1,353,200	1,461,456
		355 x 16,9mm	4	12.5	1,663,900	1,797,012
14	Ø 400	400 x 9,8mm	1	6	1,113,800	1,202,904
		400 x 12,3mm	2	8	1,324,600	1,430,568
		400 x 15,3mm	3	10	1,715,000	1,852,200
		400 x 19,1mm	4	12.5	2,118,500	2,287,980
15	Ø 450	450 x 13,8mm	2	8	1,866,400	2,015,712
		450 x 21,5mm	4	12.5	2,985,500	3,224,340
16	Ø 500	500 x 15,3mm	2	8	2,285,800	2,468,664
		500 x 23,9mm	4	12.5	3,502,800	3,783,024
17	Ø 560	560 x 17,2mm	2	8	2,877,900	3,108,132
		560 x 26,7mm	4	12.5	4,396,800	4,748,544
18	Ø 630	630 x 19,3mm	2	8	3,637,400	3,928,392
		630 x 30,0mm	4	12.5	5,542,500	5,985,900



**Ghi chú:**

Nếu Quý khách có yêu cầu khác, vui lòng liên hệ với chúng tôi.